

BÁO CÁO RÀ SOÁT ĐẦU TƯ VÀ CHI TIÊU CÔNG CHO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (CPEIR) – GIAI ĐOẠN 2016-2020 – TỈNH TIỀN GIANG

1. Tình hình biến đổi khí hậu ở Tiền Giang

Giới thiệu chung về tỉnh Tiền Giang

Tiền Giang, một tỉnh thuộc ven biển Đồng bằng sông Cửu Long, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tiền Giang có đường bờ biển dài 32 km, với địa hình tương đối bằng phẳng.

Năm 2020, dân số Tiền Giang là khoảng 1,77 triệu người, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người là 56,2 triệu VNĐ (~ 2.400 USD), tổng giá trị GRDP toàn tỉnh đạt 99,5 nghìn tỉ VNĐ (4,25 tỉ USD). Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân trong giai đoạn 2016-2020 đạt 5,7 %.

Nông nghiệp và thủy sản vẫn đang là lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, tỉnh Tiền Giang đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 38,9%, khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm 26,2%, khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 34,9%, trong đó thuế sản phẩm là 6,0% .



Tiền Giang có ba vùng kinh tế trọng điểm: Vùng các huyện phía Đông là vùng có tiềm năng rất lớn về kinh tế biển và phát triển các loại hình công nghiệp đóng tàu, cảng biển và vận tải biển, chế biến thủy hải sản; cùng các tiềm năng về du lịch và dịch vụ hậu cần nghề cá... Vùng các huyện phía Tây có thể mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, đặc biệt là cây ăn trái lớn nhất tỉnh gắn liền với sự phát triển công nghiệp chế biến nông sản và các dịch vụ phục vụ dọc theo trục kinh tế Quốc lộ 1. Ngoài ra, vùng còn có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch, nơi hội tụ của ba vùng sinh thái như sinh thái mặn, ngọt gắn với sinh thái sông nước, cây ăn trái và sinh thái vùng ngập lũ Đồng Tháp Mười... Và vùng thành phố Mỹ Tho - Châu Thành là vùng động lực, đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và chủ động hội nhập, hợp tác kinh tế với vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh và vùng ĐBSCL.

Tác động của biến đổi khí hậu đến tỉnh Tiền Giang

Nằm ở hạ lưu sông Tiền, tiếp giáp với biển Đông, Tiền Giang là một trong những tỉnh thuộc duyên hải Nam bộ chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu rõ rệt, thường xuyên đối mặt với các tác động từ nước biển dâng, ngập lụt, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông rạch, bờ biển, mất rừng phòng hộ, thiếu nước sinh hoạt, cho sản xuất nông nghiệp. Ảnh hưởng nặng nhất là các huyện nằm duyên hải phía Đông¹.

Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Tiền Giang

Nhiều hoạt động ứng phó với BĐKH đã được triển khai trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động tiêu biểu như:

- Tại các huyện phía Tây, đầu tư nâng cấp mở rộng các kênh rạch thoát lũ, nạo vét các kênh, rạch kết hợp nâng cấp các đê bao kiểm soát lũ bảo vệ sản xuất lúa, màu, cây ăn trái (Dự án chuyển đổi nông

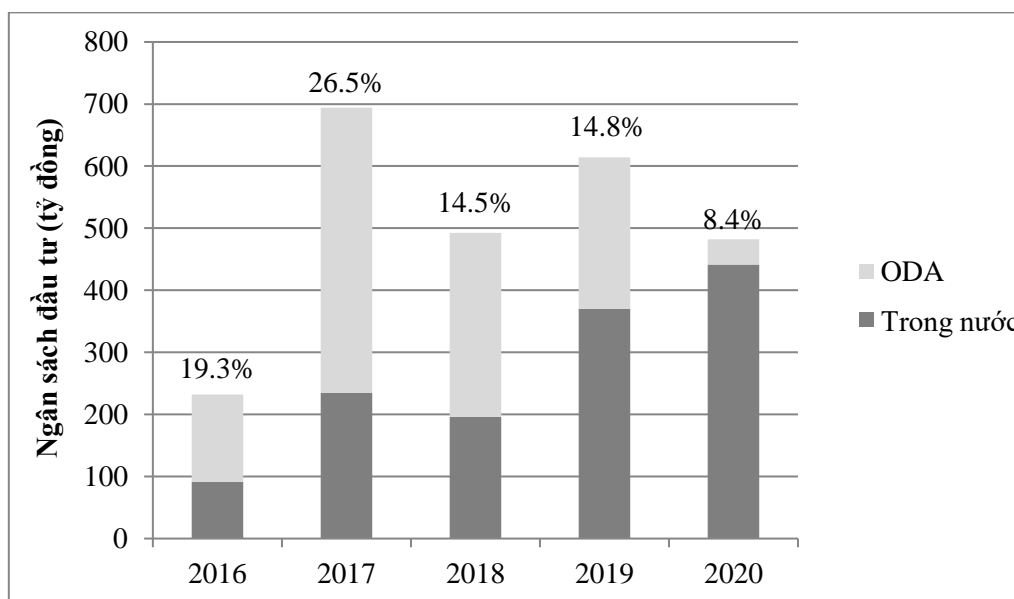
¹ Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Tiền Giang

nghiệp bền vững - VnSAT, Dự án cơ sở hạ tầng phát triển và bảo vệ cây ăn quả ở Thuộc Nhiều - Mỹ Long, Tiểu dự án kiểm soát và giảm thiểu rủi ro lũ lụt ở Ba Rài - Phú An, v.v.). Bên cạnh đó, tỉnh Tiền Giang triển khai các công trình thủy lợi xử lý sạt lở bờ sông như công trình kiểm soát sạt lở bờ sông Tiền khu vực cù lao Tân Phong, huyện Cai Lậy; Kè Tây sông Ba Rài; Xử lý sạt lở kênh 28, huyện Cái Bè; Xử lý sạt lở đê ven sông Tiền tại 3 xã Hòa Hưng, An Hữu, Tân Thành, huyện Cái Bè. Dự án 5 trục thoát lũ qua Quốc lộ 1A, dự án chống lũ bảo vệ vườn cây ăn trái Bà Rài - Ông Mười, Cái Bè-Trà Lọt v.v...).

- Tại các huyện, và trung tâm thành phố: triển khai các công trình xử lý sạt lở bờ sông như: Chống xói lở, ổn định bờ sông Tiền khu vực cù lao Tân Long; quản lý sạt lở bờ sông Tiền tại Cù Lao Tân Long; Dự án kè sông Tiền khu vực TP Mỹ Tho; Dự án xử lý sạt lở bờ Bắc kênh Bảo Định, TP Mỹ Tho; Xây dựng các công trình thích ứng với biến đổi khí hậu, các dự án bảo vệ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như Dự án nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Mỹ Tho.
- Tại các huyện phía Đông: củng cố và nâng cấp hệ thống đê biển, đê sông, đê cửa sông (xây kè bảo vệ đê biển Gò Công Đông, rạch Xuân Hòa – Cầu Ngang; sạt lở bờ biển Gò Công Đông; dự án xử lý sạt lở đất Cồn, khu Cống, quận Tân Phú Đông, v.v...). Nghiên cứu và từng bước thực hiện các giải pháp khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển để chắn sóng bảo vệ đê, bảo vệ sản xuất nông nghiệp, đồng thời bảo vệ các giống loài thủy sinh. Ví dụ các dự án trồng cây ngập mặn để bảo vệ đê biển Gò Công Đông cũng như nâng cấp hệ thống kiểm soát xâm nhập mặn ở khu vực Gò Công. Xây dựng các công trình chống, tránh, trú bão, các công trình bảo vệ các khu đông dân tại các thị xã, thị tứ, thị trấn, bảo vệ hạ tầng kinh tế - xã hội tập trung (như dự án xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Soài Rạp kết hợp bến cá Vàm Láng)².

2. Tổng hợp dữ liệu về đầu tư biến đổi khí hậu ở Tiền Giang

2.1 Nguồn ngân sách đầu tư cho BĐKH



Hình 1: Tổng ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Tiền Giang – phần trăm chi ngân sách cho biến đổi khí hậu trên tổng chi ngân sách cho đầu tư phát triển của tỉnh được biểu thị bởi giá trị (%) trên cùng của mỗi cột.

² DONRE Tiền Giang: http://stnmt.tiengiang.gov.vn/thong-tin-tuyen-truyen/-/asset_publisher/dHBw2JJnQE5g/content/tinh-hinh-bien-oi-khi-hau-o-nhiem-moi-truong-giai-phap-khac-phuc

Bảng 1: Đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Tiền Giang theo từng năm từ 2016-2020 và theo nguồn vốn

| Năm | Đầu tư trong nước cho BĐKH (tỷ đồng) | Đầu tư nước ngoài cho BĐKH (tỷ đồng) | Tổng đầu tư cho BĐKH (vốn trong và ngoài nước) (tỷ đồng) | Tỷ lệ vốn đầu tư trong nước cho BĐKH (%) | Tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài cho BĐKH (%) | Tổng đầu tư công của tỉnh (tỷ đồng) | Tỷ lệ đầu tư cho BĐKH trên tổng đầu tư công của tỉnh (%) |
|------|--------------------------------------|--------------------------------------|--|--|--|-------------------------------------|--|
| 2016 | 91,5 | 140,4 | 231,8 | 39,4 | 60,6 | 2.721,0 | 8,5 |
| 2017 | 234,7 | 459,5 | 694,2 | 33,8 | 66,2 | 3.133,3 | 22,2 |
| 2018 | 196,0 | 296,3 | 492,3 | 39,8 | 60,2 | 3.719,4 | 13,2 |
| 2019 | 370,2 | 244,2 | 614,4 | 60,3 | 39,7 | 4.158,9 | 14,8 |
| 2020 | 618,0 | 6,7 | 624,7 | 98,9 | 1,1 | 5.501,0 | 8,4 |

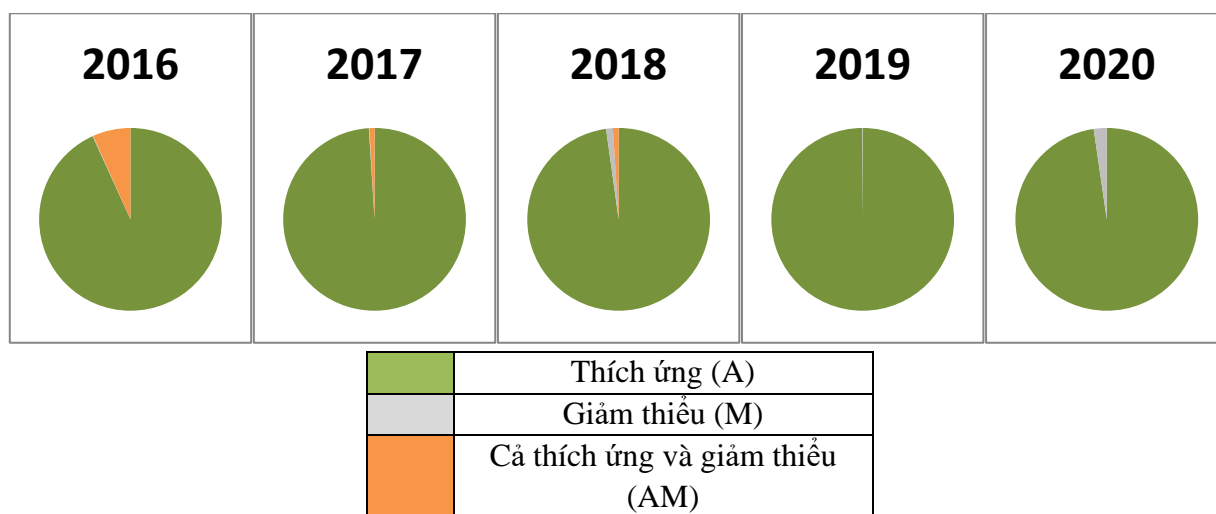
Chi đầu tư cho BĐKH bình quân giai đoạn 2016-2020 là khoảng 532 tỷ đồng/năm. Ngân sách đầu tư cho khí hậu cao nhất vào năm 2017 (694,2 tỷ đồng), trong khi thấp nhất vào năm 2016 (232 tỷ đồng). Năm 2020, tổng đầu tư cho biến đổi khí hậu là 624,7 tỷ đồng, nguyên nhân một phần do có sự suy giảm đáng kể nguồn đầu tư nước ngoài (ODA) cho BĐKH.

Giai đoạn 2016-2020, chi đầu tư cho biến đổi khí hậu bằng nguồn vốn trong nước bình quân hàng năm là 302 tỷ đồng, chiếm tới 57% tổng chi đầu tư, nguồn ODA đóng góp 229 tỷ đồng, chiếm 43,2%. Tỷ trọng ODA nhìn chung giảm, từ hơn 60,6% năm 2016 và 2017 giảm xuống còn 1,1% năm 2020.

Chi đầu tư cho biến đổi khí hậu chiếm từ khoảng 11,4% - 22,2% (trung bình 16,8%) so với tổng chi đầu tư phát triển của tỉnh, tỷ lệ này cao nhất là năm 2017 chiếm 22,2% và thấp nhất là năm 2020 với 8,5%.

2.2 Chi ngân sách cho biến đổi khí hậu, theo mục đích chi

a) Phân bổ loại dự án cho “thích ứng”, “giảm thiểu” hoặc cho cả “thích ứng” và “giảm thiểu”



Hình 2: Chi đầu tư cho thích ứng và giảm thiểu (Đơn vị: %)

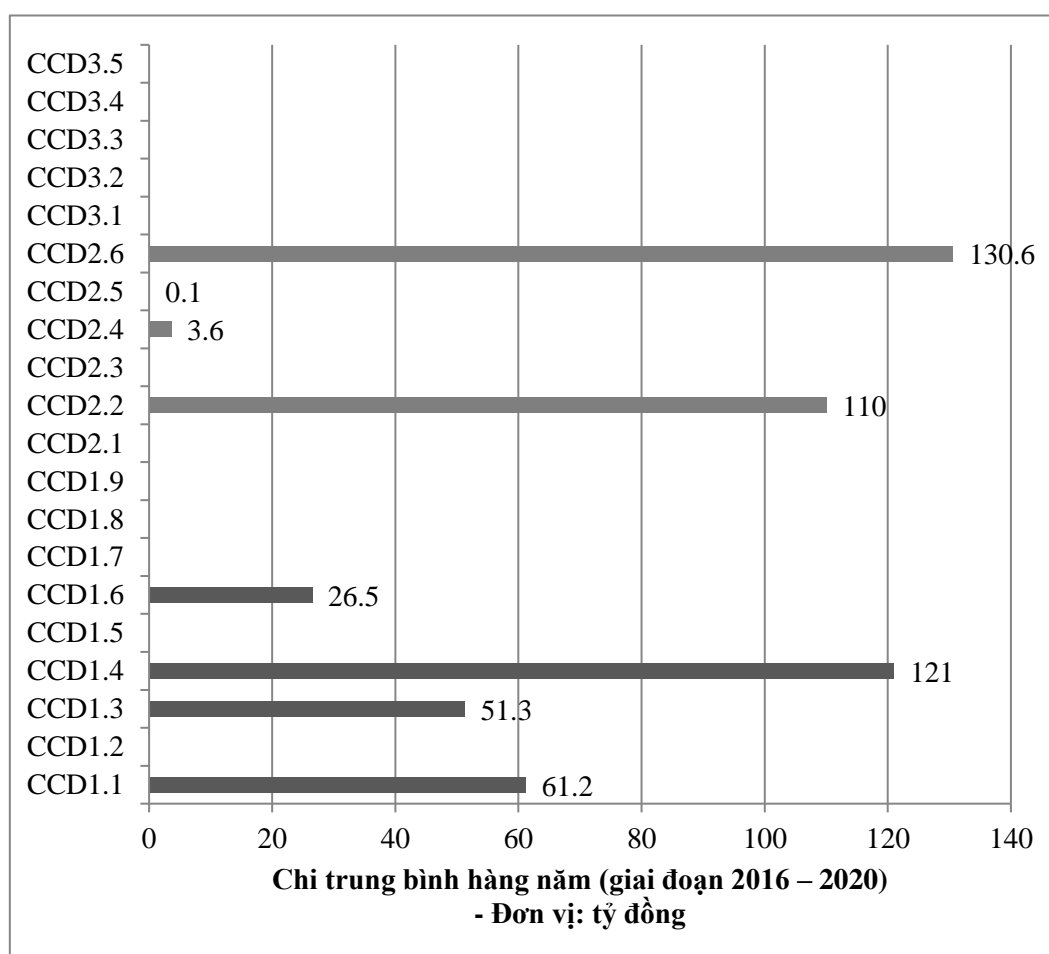
Số liệu chi tiết đầu tư cho biến đổi khí hậu theo thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu

| Tỷ đồng/% | 2016 | | 2017 | | 2018 | | 2019 | | 2020 | |
|------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Thích ứng | 216,1 | 93,2% | 687,4 | 99,0% | 481,4 | 97,8% | 620,7 | 99,9% | 471,1 | 97,7% |
| Giảm thiểu | 0,3 | 0,1% | 0,9 | 0,1% | 5,6 | 1,2% | 0,7 | 0,1% | 10,9 | 2,3% |
| Thích ứng & Giảm thiểu | 15,5 | 6,7% | 5,9 | 0,9% | 5,3 | 1,0% | - | 0,0% | - | 0,0% |

Phần lớn đầu tư liên quan đến biến đổi khí hậu thuộc lĩnh vực thích ứng, chiếm khoảng 98%. Năm 2016, 2017 và 2018 có một số dự án liên quan đến cả thích ứng và giảm nhẹ đó là những dự án trồng rừng tại địa phương cụ thể gồm các Dự án gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển Gò Công Đông, dự án nâng cao chất lượng an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học (QSEAP). Một số dự án trong lĩnh vực giảm nhẹ liên quan đến việc xử lý nước thải, nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học để xử lý COD, Nito và phốt pho hòa tan trong chất thải hữu cơ trên địa bàn tỉnh; những dự án giảm thiểu này tương đối nhỏ.

b) Phân bổ cho các nhiệm vụ chi đầu tư thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu (CCD)

Chi đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, trung bình hàng năm giai đoạn 2016 – 2020 (đơn vị: tỷ đồng)



Về lĩnh vực dự án đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương, có thể thấy rằng đầu tư cho 03 lĩnh vực: CCD 2.6 (tăng cường giảm rủi ro thiên tai, đầu tư 131 tỷ/năm, chiếm tỷ trọng 26%); CCD 1.4 (đê

và kè bảo vệ sông, 121 tỷ/năm, 24%) và CCD 2.2 (nâng cao tính chống chịu của các khu vực thành phố và dân cư, 110 tỷ/năm, 22%) chiếm tỷ lệ cao nhất, hơn 70% tổng đầu tư cho biến đổi khí hậu tại địa phương.

Các lĩnh vực đầu tư còn lại, phân bổ cho các lĩnh vực CCD 1.1 (Bảo vệ bờ biển và đê ven biển, 61,2 tỷ/năm), CCD 1.3 (Thủy lợi 51,3 tỷ/năm), CCD 1.6 (Phát triển nông thôn và an ninh lương thực, 26,5 tỷ/năm) v.v.

Hiện nay, tại địa phương chưa có các văn bản chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh như: Kế hoạch Hành động Tăng trưởng Xanh (GGAP) và Kế hoạch Thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA), do đó, chúng tôi chỉ xem xét mối liên hệ giữa các hoạt động đầu tư thực tế thống kê ở trên với Kế hoạch Hành động ứng phó với Biến đổi Khí hậu (CCAP) để khẳng định các lĩnh vực đầu tư nêu trên có phù hợp với định hướng chính sách của tỉnh hay không.

Có thể thấy, một số dự án tiêu biểu được nêu trong CCAP đã triển khai trong giai đoạn 2016-2020 như: Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao thích ứng với biến đổi khí hậu, Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ trong sản xuất nông nghiệp, Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học xử lý COD, nitơ và photpho hòa tan trong nước thải hữu cơ trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, một số lĩnh vực được đầu tư lớn trong giai đoạn 2016-2020 nhưng không được đề cập trong CCAP như Đê và kè sông (CCD1.4), nâng cao khả năng chống chịu của khu dân cư và thành phố (CCD2.2) và Thủy lợi (CCD1.3). Có thể, các dự án đầu tư này được thực hiện do yêu cầu cấp bách trong thực tế sau khi Tỉnh ban hành CCAP.

2.3 Chi ngân sách từ nguồn vốn ODA

Dưới đây là 05 (năm) dự án ODA lớn nhất cho biến đổi khí hậu (Tên dự án, nguồn vốn, giai đoạn đầu tư, tỷ trọng trong tổng đầu tư từ ODA):

1. Tiểu dự án Kiểm soát và giảm rủi ro do lũ vùng Ba Rài -Phú An (ADB-GMS1) (2016-2020, 19,7%)
2. Dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Mỹ Tho (2016-2020, 56,8%)
3. Tiểu dự án Nâng cấp hệ thống kiểm soát xâm nhập mặn vùng Gò Công (ADB-GMS1) (2016-2020, 16,5%)
4. Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (WB-VnSAT) (2016-2020, 4,9%)
5. Gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển Gò Công Đông (SP-RCC) (2016-2020, 2,1%)

2.4 Các công cụ lập kế hoạch và chính sách

| Công cụ | Có (√)/ Không (X) |
|---|-------------------|
| CTMTQG về BĐKH tại địa phương, báo cáo cho giai đoạn 2015 | √ |
| Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (CCAP) | √ |
| Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (GGAP) | X |
| Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA) | X |
| Khác: không | |